

Bản án số: **87/2022/HS-ST**
Ngày: 16-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Tám

Ông Trần Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1997 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Trần Văn A, sinh năm 1969 và bà Trần Thị B, sinh năm 1972.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

+ **Bị hại:** Công ty A1, địa chỉ trụ sở chính: Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận D1, Tp Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công S, chức vụ: Nhân viên an ninh. Ông S có mặt.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Cửa hàng A2, địa chỉ: Số nhà A2 đường B2, phường C2, quận D2, Tp Đà Nẵng. Đại diện: Ông Phạm Minh T2, sinh năm 1991, trú tại: Số nhà A2 đường B2, phường C2, quận D2, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Ông Từ Quốc T3, sinh năm 1993, trú tại: Thôn A3, xã B3, huyện C3, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3/ Ông Trần Văn T4, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T5, sinh năm 1972, cùng trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2019, Trần Văn T nhật được Chứng minh nhân dân (CMND) số 205.599.669 mang tên Từ Quốc T3 nên nảy sinh ý định dùng giấy tờ này mạo danh Từ Quốc T3 để vay trả góp mua điện thoại di động rồi chiếm đoạt. Sau đó, tại một quán cà phê ở thị trấn Ai Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (không rõ địa chỉ cụ thể). T gặp một nam thanh niên tên Tú (không rõ nhân thân, lại lịch) nhờ làm giả 01 Giấy phép lái xe (GPLX) hạng A1, T đưa CMND nhật được và 01 ảnh thẻ của T cho Tú. Khoảng 02 tuần sau, Tú hẹn T đến quán cà phê trên, đưa cho T 01 GPLX hạng A1 số 490184139950 mang tên Từ Quốc T3 (nhưng gắn ảnh của T) do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27/02/2019 và trả lại CMND cho T. Ngày 20/7/2019, T mang theo các giấy tờ trên đến Cửa hàng Minh Khiêm Store ở 789 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS trị giá 20.000.000 đồng. T trả trước 10.000.000 đồng và muốn vay trả góp số tiền còn lại. Cửa hàng Minh Khiêm giới thiệu T với đại diện Công ty Tài chính TNHH A1. Sau đó, T dùng CMND nhật được của T3 và GPLX do Tú làm giả để mạo danh Từ Quốc T3 ký Hợp đồng tín dụng số ED014347427 vay Công ty Tài chính TNHH A1 10.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,79%/tháng. Công ty A1 chụp ảnh của T và scan CMND, GPLX nêu trên để kiểm tra thì thấy thông tin trên CMND và GPLX trùng khớp, ảnh trong GPLX và người vay giống nhau nên đồng ý giải ngân. Công ty A1 chuyển 10.000.000 đồng cho Cửa hàng Minh Khiêm. T nhận điện thoại từ Cửa hàng rồi ra về. Sau đó, T cắt liên lạc và không trả nợ vay theo nội dung hợp đồng. Công ty A1 tiến hành kiểm tra thông tin khách hàng thì phát hiện Từ Quốc T3 từng ký Hợp đồng tín dụng số ED010559231 vay của Công ty 5.500.000 đồng để mua điện thoại. Công ty liên lạc số điện thoại ghi trong hợp đồng số ED010559231 thì anh T3 xác nhận không ký hợp đồng số ED014347427. Ngày 26/8/2020, Công ty A1 làm đơn trình báo Công an quận Thanh Khê.

Vật chứng tạm giữ:

Tạm giữ của Công ty A1:

- 01 bản gốc hồ sơ của NVTD gửi về BO, POS: POS 19449, tên POS: OFF HT MINH KHIEM STORE, TTDD SỐ: EDO14347427, tên khách hàng: TỪ QUỐC T3.

- 01 đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số ED014347427, ghi ngày 20/7/2019, họ tên: Từ Quốc T3.

- 01 bản phô tô CMND số 205.599.669, tên: Từ Quốc T3, do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 10/9/2008 và 01 bản phô tô GPLX hạng A1, tên: Từ Quốc T3, do Sở GTVT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/02/2019.

- 01 Phiếu bán hàng (Kiêm biên nhận trả trước của Hợp đồng số ED 014347427) ngày 20/7/2019, đơn vị bán hàng: OFF HT MINH KHIÊM STORE, họ và tên khách hàng: Từ Quốc T3.

- 01 Đơn yêu cầu bảo hiểm, không ghi ngày tháng năm, thông tin Công ty bảo hiểm: Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh, người tham gia bảo hiểm: Từ Quốc T3.

- 01 Thông báo (về việc: chỉ định cơ quan giải quyết tranh chấp và sử dụng thông tin cá nhân), không ghi ngày tháng năm, bên vay: Từ Quốc T3.

Tạm giữ của Từ Quốc T3:

- 01 Đơn xin việc ngày 05/10/2018, họ tên: Từ Quốc T3.

- 01 Biên bản cung cấp mẫu chữ viết, chữ ký, ghi ngày 23/10/2020 của Từ Quốc T3.

Tạm giữ của Trần Văn T:

- 01 Biên bản cung cấp mẫu chữ viết, chữ ký, ghi ngày 30/12/2020 của Trần Văn T.

- 01 Sổ Đoàn viên, không ghi ngày tháng năm (chỉ sử dụng từ trang 10 đến trang 14).

Hiện tất cả các vật chứng nêu trên được lưu theo hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, T khai nhận đã làm mất CMND số 205.599.669 mang tên Từ Quốc T3, GPLX hạng A1 số 490184139950 mang tên Từ Quốc T3 và chiếc điện thoại di động Iphone XS T mua bằng tiền vay của Công ty A1.

Qua làm việc, anh T3 khai nhận CMND số 205.599.669 là của anh T3 đánh rơi vào năm 2015 trên đường đi làm, anh T3 đã báo Công an và đã được cấp mới, anh T3 xác nhận CMND mà T dùng để ký hợp đồng với Công ty A1 là của anh T3 đánh rơi còn GPLX số 490184139950 không phải của anh T3.

Qua xác minh tại Sở GTVT tỉnh Quảng Nam ngày 03/11/2020 xác nhận: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam không cấp GPLX hạng A1 số 490184139950 ngày 27/02/2019 cho Từ Quốc T3 và Sở GTVT tỉnh Quảng Nam không cấp đổi/cấp lại GPLX cho Từ Quốc T3.

Qua xác minh CMND số 205.599.669 mang tên Từ Quốc T3 tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam xác nhận Ngày 10/9/2008, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam đã cấp CMND nêu trên cho Từ Quốc T3. Đến ngày 18/7/2016, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam đã cấp lại CMND số trên cho Từ Quốc T3.

Kết luận giám định số 33/KLTL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác nhận: Chữ ký dạng chữ viết "T3" và chữ viết có nội dung "Từ Quốc T3" trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết đứng tên Trần Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký và viết ra.

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng có Công văn số 260 ngày 06/7/2022 về việc không giám định tài liệu phô tô đối với bản phô tô CMND số 205.599.669 và GPLX số 490184139950 .

* Về trách nhiệm dân sự: T và gia đình đã khắc phục cho Công ty A1 số tiền 11.587.876đồng (gồm 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và 1.587.876 đồng tiền lãi), đại diện của Công ty đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 80/CT- VKS ngày 22 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trần Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: T và gia đình đã khắc phục cho Công ty A1 số tiền 11.587.876đồng (gồm 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và 1.587.876 đồng tiền lãi), đại diện của Công ty đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án các vật chứng thu thập được.

Bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20 tháng 7 năm 2019, tại Cửa hàng điện thoại di động “Minh Khiêm Store”, địa chỉ: 944 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng, để có tiền mua điện thoại di động, Trần Văn T sử dụng Chứng minh nhân dân số 205.599.669 (nhặt được của Từ Quốc T3) và Giấy phép lái xe số

490184139950 (nhờ Tú làm giả) để mạo danh Từ Quốc T3 ký Hợp đồng tín dụng số ED014347427 với Công ty Tài chính TNHH A1 vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Công ty Tài chính TNHH A1 tin tưởng T chính là Từ Quốc T3 nên đã cho vay, T chiếm đoạt số tiền vay này.

Do đó, hành vi trên của Trần Văn T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 80/CT- VKS ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Hành vi của bị cáo có tính chất ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Để có tiền mua điện thoại di động, Trần Văn T đã dùng Chứng minh nhân dân nhậ được của Từ Quốc T3 và làm giả Giấy phép lái xe để ký hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH A1 vay tiền rồi chiếm đoạt số tiền này.

Do vậy, hình phạt đối với bị cáo phải thỏa đáng và tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết quy định tại Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, xét lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với:

- Vật chứng tạm giữ của Công ty A1: 01 bản gốc hồ sơ của NVTD gửi về BO, POS: POS 19449, tên POS: OFF HT MINH KHIEM STORE, TTĐD SỐ: EDO14347427, tên khách hàng: TỪ QUỐC T3; 01 đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số ED014347427, ghi ngày 20/7/2019, họ tên: Từ Quốc T3; 01 bản phô tô CMND số 205.599.669, tên: Từ Quốc T3, do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 10/9/2008 và 01 bản phô tô GPLX hạng A1, tên: Từ Quốc T3, do Sở GTVT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/02/2019; 01 Phiếu bán hàng (Kiêm biên nhận trả trước của Hợp đồng số ED 014347427) ngày 20/7/2019, đơn vị bán hàng: OFF HT MINH KHIEM STORE, họ và tên khách hàng: Từ Quốc T3; 01 Đơn yêu cầu bảo hiểm, không ghi ngày tháng năm, thông tin Công ty bảo hiểm: Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh, người tham gia bảo hiểm: Từ Quốc T3; 01 Thông báo (về việc: chỉ định cơ quan giải quyết tranh chấp và sử dụng thông tin cá nhân), không ghi ngày tháng năm, bên vay: Từ Quốc T3.

- Vật chứng tạm giữ của Từ Quốc T3: 01 Đơn xin việc ngày 05/10/2018, họ tên: Từ Quốc T3; 01 Biên bản cung cấp mẫu chữ viết, chữ ký, ghi ngày 23/10/2020 của Từ Quốc T3.

- Vật chứng tạm giữ của Trần Văn T: 01 Biên bản cung cấp mẫu chữ viết, chữ ký, ghi ngày 30/12/2020 của Trần Văn T; 01 Sổ Đoàn viên, không ghi ngày tháng năm (chỉ sử dụng từ trang 10 đến trang 14).

Tất cả các vật chứng trên hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: T và gia đình đã khắc phục cho Công ty A1 số tiền 11.587.876 đồng (gồm 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và 1.587.876 đồng tiền lãi), đại diện của Công ty đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với hành vi làm giả Giấy phép lái xe của Trần Văn T, hiện không thu thập được bản chính Giấy phép lái xe nên không tiến hành giám định được, do đó không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với Trần Văn T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

Đối với người tên Tú đã làm giả Giấy phép lái xe cho T, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

Đối với ông Từ Quốc T3: Chứng minh nhân dân số 205.599.669 là của ông T3 bị mất, đã báo Công an và đã được cấp mới, ông T3 không biết và không tham gia mạo danh ký Hợp đồng tín dụng cùng với T, qua giám định thì chữ ký và chữ viết trên hồ sơ vay không phải của ông T3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T **01 (một) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự CATP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam công an TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng